



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021



## Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

### Thông tin về Công ty

**Các văn bản thành lập** Quyết định số 1683/VT-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 1980 của Bộ Vật tư (nay là Bộ Công Thương) về việc thành lập Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Quyết định số 2439/QĐ-BTM ngày 29 tháng 9 năm 2005 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển đổi tên Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I thành Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO và hình thức doanh nghiệp từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200113152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2005. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 9 tháng 7 năm 2021.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Hữu Thành	Chủ tịch
	Ông Vũ Đình Hiến	Ủy viên
	Ông Vũ Quang Khánh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Minh	Ủy viên
	Ông Vũ Ngọc Vinh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Đình Tuấn	Ủy viên
	Ông Đỗ Lệnh Công	Ủy viên (từ ngày 28/6/2021)

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Vũ Đình Hiến	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đào Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc

<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Lê Đức Bình	Trưởng Ban
	Bà Phí Tuyết Thanh	Ủy viên (từ ngày 28/6/2021)
	Ông Nguyễn Tiến Long	Ủy viên (từ ngày 28/6/2021)
	Bà Hoàng Thị Thúy Hương	Ủy viên (đến ngày 28/6/2021)
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Ủy viên (đến ngày 28/6/2021)

**Trụ sở đăng ký** Tòa nhà Hàng Hải Liên Minh  
Số 802 đường Lê Hồng Phong, Phường Thành Tô,  
Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng,  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đình Hiền  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 25 -08- 2021

VI  
CÔ  
H M  
K  
TỪ



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25-08-2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

42  
T  
MH  
M  
EM

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-02-00228-21-2



  
Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 25 -08- 2021

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2019-007-1



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>779.844.647.781</b>	<b>463.275.689.526</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>202.182.142.656</b>	<b>129.883.313.714</b>
Tiền	111		27.182.142.656	23.883.313.714
Các khoản tương đương tiền	112		175.000.000.000	106.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>10</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400.000.000.000	120.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>98.757.297.441</b>	<b>76.343.668.585</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	98.886.610.993	84.827.439.941
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		667.082.425	3.179.800.383
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	33.158.061.776	22.176.958.709
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(33.954.457.753)	(33.840.530.448)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14</b>	<b>74.108.103.294</b>	<b>95.880.390.785</b>
Hàng tồn kho	141		74.108.103.294	95.880.390.785
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.797.104.390</b>	<b>41.168.316.442</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.731.952.845	1.603.355.121
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		814.151.543	39.564.961.321
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		251.000.002	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>822.998.614.283</b>	<b>1.138.670.120.531</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.569.563.817</b>	<b>4.181.867.024</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		328.442.734	365.911.664
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	32.744.563.817	32.856.867.024
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	13	(28.503.442.734)	(29.040.911.664)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>761.118.901.882</b>	<b>871.985.729.074</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	15	759.327.901.882	870.194.729.074
<i>Nguyên giá</i>	222		2.566.769.146.744	2.598.477.421.395
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.807.441.244.862)	(1.728.282.692.321)
Tài sản cố định vô hình	227		1.791.000.000	1.791.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		2.190.877.920	2.190.877.920
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(399.877.920)	(399.877.920)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	-	<b>73.682.573.702</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		-	113.357.805.704
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	(39.675.232.002)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.450.080.000</b>	<b>136.051.185.552</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	1.450.080.000	136.051.185.552
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>18</b>	<b>35.860.592.075</b>	<b>39.680.714.595</b>
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		28.491.968.075	32.605.078.494
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.587.790.000	60.587.790.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.219.166.000)	(53.512.153.899)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.999.476.509</b>	<b>13.088.050.584</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		8.908.908.665	1.997.482.740
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19(a)	11.090.567.844	11.090.567.844
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.602.843.262.064</b>	<b>1.601.945.810.057</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>510.613.984.013</b>	<b>498.490.002.187</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>190.533.581.290</b>	<b>165.303.729.372</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	18.607.350.084	54.773.000.419
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		983.991.964	1.526.489.637
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	944.469.540	4.078.131.512
Phải trả người lao động	314		12.989.852.912	17.712.853.585
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	888.517.613	1.154.327.078
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	115.150.648
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	71.274.374.592	17.162.337.708
Vay ngắn hạn	320	24(a)	56.080.000.000	48.774.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	28.765.024.585	20.007.438.785
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>320.080.402.723</b>	<b>333.186.272.815</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		165.277.000	165.277.000
Phải trả dài hạn khác	337		1.802.892.578	2.011.062.578
Vay dài hạn	338	24(b)	262.374.000.000	289.638.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19(b)	9.209.126.002	8.469.076.094
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	46.529.107.143	32.902.857.143

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.092.229.278.051</b>	<b>1.103.455.807.870</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>1.092.229.278.051</b>	<b>1.103.455.807.870</b>
Vốn cổ phần	411	28	684.709.410.000	684.709.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		684.709.410.000	684.709.410.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.935.240.106	7.571.969.722
Cổ phiếu quỹ	415		-	(23.773.475.216)
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	306.357.134.201	306.357.134.201
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90.227.493.744	128.590.769.163
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		71.206.088.363	64.537.935.024
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		19.021.405.381	64.052.834.139
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.602.843.262.064</b>	<b>1.601.945.810.057</b>

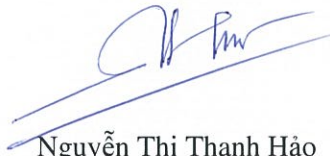
25 -08- 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàng Yên  
 Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Hào  
 Kế toán trưởng



Vũ Đình Hiền  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	8	348.679.074.444	270.313.089.515
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	8	183.376.182	3.960.000
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>8</b>	<b>348.495.698.262</b>	<b>270.309.129.515</b>
Giá vốn hàng bán	11		321.183.097.219	207.873.195.365
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>8</b>	<b>27.312.601.043</b>	<b>62.435.934.150</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	8.397.119.478	12.446.232.120
Chi phí tài chính	22	33	12.656.896.816	8.891.584.815
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.668.885.419	8.297.565.667
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(4.113.110.419)	(162.809.897)
Chi phí bán hàng	25		2.526.521.763	1.436.229.349
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	24.204.810.790	29.274.989.440
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(7.791.619.267)</b>	<b>35.116.552.769</b>
Thu nhập khác	31	35	34.627.993.213	56.173.414.195
Chi phí khác	32		44.843.663	300.751.016
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>34.583.149.550</b>	<b>55.872.663.179</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>26.791.530.283</b>	<b>90.989.215.948</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	7.030.074.994	18.303.752.954
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	740.049.908	8.854.804
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>19.021.405.381</b>	<b>72.676.608.190</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b> (mang sang từ trang trước)	<b>60</b>		<b>19.021.405.381</b>	<b>72.676.608.190</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	163	1.015

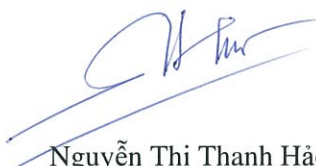
25 -08- 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàng Yến  
 Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Hào  
 Kế toán trưởng



Vũ Đình Hiền  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>26.791.530.283</b>	<b>90.989.215.948</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	94.469.977.713	73.567.793.675
Các khoản dự phòng	03	23.509.720.476	15.924.511.352
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	92.070.163	357.091.008
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(38.474.564.751)	(67.867.257.055)
Chi phí lãi vay	06	12.668.885.419	8.297.565.667
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>119.057.619.303</b>	<b>121.268.920.595</b>
Biến động các khoản phải thu	09	17.703.556.551	3.324.691.194
Biến động hàng tồn kho	10	21.772.287.491	6.243.244.253
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(29.712.673.067)	6.310.099.062
Biến động chi phí trả trước	12	(9.124.637.574)	(1.669.727.175)
		<b>119.696.152.704</b>	<b>135.477.227.929</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.752.651.894)	(8.411.946.800)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.325.436.955)	(18.857.011.650)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.681.807.700)	(16.502.129.172)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>79.936.256.155</b>	<b>91.706.140.307</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.784.480.000)	(83.863.636)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	262.199.976.382	56.052.854.722
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(300.000.000.000)	(270.000.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	20.000.000.000	200.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	5.824.534.398	9.707.924.561
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14.759.969.220)</b>	<b>(4.323.084.353)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	31	27.136.745.600	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.958.000.000)	(37.306.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	(4.630.110)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>7.174.115.490</b>	<b>(37.306.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>72.350.402.425</b>	<b>50.077.055.954</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>129.883.313.714</b>	<b>175.084.302.277</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(51.573.483)</b>	<b>(43.420.501)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 9)</b>	<b>70</b>	<b>202.182.142.656</b>	<b>225.117.937.730</b>

25-08-2021

Người lập:

Nguyễn Thị Hoàng Yên  
Phó phòng kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Hào  
Kế toán trưởng



Vũ Đình Hiền  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (“Công ty”), trước đây là Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I, là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải và được Bộ Vật tư (nay là Bộ Công Thương) thành lập theo Quyết định số 1683/VT-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 1980.

Theo Quyết định số 2439/QĐ-BTM ngày 29 tháng 9 năm 2005 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200113152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2005, Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I chính thức trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 9 năm 2005 với tên gọi là Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO. Công ty kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I theo các quy định của pháp luật.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con và lợi ích của Công ty trong công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con bao gồm:

- Cung ứng dịch vụ vận tải ven biển và viễn dương; dịch vụ hàng hải, đại lý tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển; đại lý vận tải đường biển;
- Cung ứng dịch vụ kho bãi và dịch vụ kho ngoại quan;
- Cung ứng cho thuê thuyền viên cung ứng tàu biển; môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; khai thuế hải quan; và
- Kinh doanh xăng dầu, gas hóa lỏng, các sản phẩm hóa dầu và các thiết bị sử dụng gas hóa lỏng.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020 và đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội và đang từng bước đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Tuy nhiên, sự lây lan và phát triển của dịch bệnh tại Việt Nam những ngày này đang diễn ra hết sức phức tạp. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2021: 2 công ty con và 1 công ty liên kết) như sau:

	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	
			30/6/2021	1/1/2021
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH VIPCO Hạ Long	Kinh doanh xăng dầu và vận chuyển	Quảng Ninh	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO	Kinh doanh dịch vụ cho thuê thuyền viên	Hải Phòng	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Kinh doanh xăng dầu và vận chuyển	Hải Phòng	45,1%	45,1%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty và các công ty con có 491 nhân viên (1/1/2021: 515 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

##### **(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

##### **(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).





**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khi phân lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyên khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Hàng hóa bất động sản**

Hàng hóa bất động sản là quyền sử dụng đất để bán được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm chi phí phát sinh liên quan đến việc nắm giữ quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	12 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 15 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh để có được quyền sử dụng đất bao gồm cả chi phí đền bù giải phóng, san lấp mặt bằng.

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn sẽ được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất. Công ty và các công ty con không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 4 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng như trình bày tại các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng chi phí sửa chữa lớn***

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2,5 năm/lần. Số dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2,5 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong chu kỳ tiếp theo.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu chuyển nhượng bất động sản**

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và trong kỳ kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty và các công ty con**

Không có thay đổi đáng kể trong cơ cấu của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

## Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 8. Báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận kinh doanh vận tải: Vận tải xăng dầu;
- Bộ phận kinh doanh thương mại: Mua bán xăng dầu;
- Hoạt động khác.

	Vận tải		Thương mại		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	268.604.392.583	195.171.899.801	69.047.802.957	47.263.793.750	10.843.502.722	27.873.435.964	-	-	348.495.698.262	270.309.129.515
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	26.069.579.674	-	3.626.712.900	3.214.114.472	1.719.939.000	20.246.893.683	(31.416.231.574)	(23.461.008.155)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	294.673.972.257	195.171.899.801	72.674.515.857	50.477.908.222	12.563.441.722	48.120.329.647	(31.416.231.574)	(23.461.008.155)	348.495.698.262	270.309.129.515
Kết quả kinh doanh của bộ phận	13.288.920.905	51.958.208.873	9.728.538.253	4.003.652.165	4.295.141.885	6.474.073.112	-	-	27.312.601.043	62.435.934.150
Phần lỗ trong công ty liên kết	(4.113.110.419)	(162.809.897)	-	-	-	-	-	-	(4.113.110.419)	(162.809.897)
Chi phí không phân bổ									(30.991.109.891)	(27.156.571.484)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									(7.791.619.267)	35.116.552.769
Thu nhập khác									34.627.993.213	56.173.414.195
Chi phí khác									(44.843.663)	(300.751.016)
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(7.030.074.994)	(18.303.752.954)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									(740.049.908)	(8.854.804)
Lợi nhuận sau thuế TNDN									19.021.405.381	72.676.608.190



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vận tải		Thương mại		Các hoạt động khác		Hợp nhất	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản của bộ phận	1.488.791.713.664	1.215.100.684.942	61.911.798.630	51.349.706.897	14.829.077.695	159.763.518.071	1.565.532.589.989	1.426.213.909.910
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	37.310.672.075	175.731.900.147
Tổng tài sản	1.488.791.713.664	1.215.100.684.942	61.911.798.630	51.349.706.897	14.829.077.695	159.763.518.071	1.602.843.262.064	1.601.945.810.057
Nợ phải trả của bộ phận	442.214.754.426	442.584.373.986	2.460.956.722	4.725.303.665	4.131.412.115	4.738.572.909	448.807.123.263	452.048.250.560
Các khoản nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	-	61.806.860.750	46.441.751.627
Tổng nợ phải trả	442.214.754.426	442.584.373.986	2.460.956.722	4.725.303.665	4.131.412.115	4.738.572.909	510.613.984.013	498.490.002.187
Chi tiêu vốn	2.784.480.000	83.863.636	-	-	-	-	2.784.480.000	83.863.636
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	92.445.351.070	71.167.598.215	564.431.541	405.498.278	100.316.664	105.400.420	93.110.099.275	71.678.496.913
Khấu hao bất động sản đầu tư	-	-	-	-	1.359.878.438	1.889.296.762	1.359.878.438	1.889.296.762

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	458.186.500	514.031.354
Tiền gửi ngân hàng	26.723.956.156	23.369.282.360
Các khoản tương đương tiền	175.000.000.000	106.000.000.000
	<b>202.182.142.656</b>	<b>129.883.313.714</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại các ngân hàng và được hưởng lãi suất từ 3,2% đến 3,7% một năm (1/1/2021: từ 3,2% đến 7,4% một năm).

**10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng, được hưởng lãi suất từ 3,5% đến 6,1% một năm (1/1/2021: từ 6,5% đến 7,5% một năm).



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	34.812.677.075	20.841.156.722
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	1.123.635.359	1.041.598.668
<b>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
<b>– công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
Công ty Xăng dầu B12	229.238.333	109.902.172
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	91.528.800	92.056.800
Công ty TNHH MTV VITACO Sài Gòn	75.000.000	52.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	53.500.000	21.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	-	21.500.000
Cảng dầu B12	13.859.504	19.615.729
<b>Bên khác</b>		
United Petro Supplies FZC	26.441.691.440	26.522.376.637
MJ Bros Corporation	17.163.685.000	17.947.800.000
Các khách hàng khác	18.881.795.482	18.157.433.213
	<b>98.886.610.993</b>	<b>84.827.439.941</b>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	1.657.206.393	1.906.012.591
Thu hộ, chi hộ	25.803.081.590	16.213.199.026
Phải thu lãi tiền gửi	4.728.657.532	2.419.506.848
Phải thu ngắn hạn khác	969.116.261	1.638.240.244
	<hr/>	<hr/>
	<b>33.158.061.776</b>	<b>22.176.958.709</b>

**(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú (i)	18.663.000.000	18.663.000.000
Phải thu Trường Cao đẳng nghề Duyên Hải (ii)	9.562.000.000	10.062.000.000
Ký cược, ký quỹ	4.519.563.817	4.131.867.024
	<hr/>	<hr/>
	<b>32.744.563.817</b>	<b>32.856.867.024</b>

- (i) Số dư phải thu Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú (“Công ty Thiên Lộc Phú”) thể hiện khoản ký quỹ Công ty đã chuyển cho Công ty Thiên Lộc Phú để đặt cọc đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/04/HTĐT/2008 ngày 1 tháng 4 năm 2008 và Biên bản thỏa thuận số 01/HĐ/VIPCO-TLP ngày 5 tháng 4 năm 2008 giữa 2 công ty. Theo đó, Công ty Thiên Lộc Phú sẽ thu xếp vốn vay ưu đãi cho Công ty bắt đầu từ tháng 4 năm 2008. Tuy nhiên, do Công ty Thiên Lộc Phú không thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư nói trên và Biên bản thỏa thuận tương ứng, Công ty đã trích lập 100% dự phòng cho số dư khoản phải thu này.
- (ii) Số dư phải thu Trường Cao đẳng nghề Duyên Hải (“Trường”) thể hiện khoản phải thu liên quan đến gốc cho vay, lãi vay dự thu và khoản cổ tức phải thu phát sinh khi Trường là công ty con của Công ty. Các khoản phải thu này đã quá hạn từ năm 2013 và không được gia hạn thêm. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2013, Công ty đã ngừng tính lãi đối với khoản cho vay này từ 1 tháng 1 năm 2013. Công ty đã trích lập 100% dự phòng cho số dư khoản phải thu này.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2021			1/1/2021				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
United Petro Supplies FZC	Từ 2 năm đến 3 năm	26.441.691.440	(23.973.877.083)	2.467.814.357	Từ 2 năm đến 3 năm	26.522.376.637	(23.973.877.083)	2.548.499.554
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú	Trên 3 năm	18.663.000.000	(18.663.000.000)	-	Trên 3 năm	18.663.000.000	(18.663.000.000)	-
Trường Cao đẳng Nghệ Duyên Hải	Trên 3 năm	9.562.000.000	(9.562.000.000)	-	Trên 3 năm	10.062.000.000	(10.062.000.000)	-
Công ty TNHH Dầu tư và Thương mại An Phú Lộc	Trên 3 năm	3.820.000.000	(3.820.000.000)	-	Trên 3 năm	3.940.000.000	(3.820.000.000)	120.000.000
Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy Bạch Đằng	Trên 3 năm	1.424.930.830	(1.424.930.830)	-	Trên 3 năm	1.424.930.830	(1.424.930.830)	-
Các công ty khác	Trên 3 năm	5.081.351.402	(5.014.092.574)	67.258.828	Trên 3 năm	5.081.351.402	(4.937.634.199)	143.717.203
		<b>64.992.973.672</b>	<b>(62.457.900.487)</b>	<b>2.535.073.185</b>		<b>65.693.658.869</b>	<b>(62.881.442.112)</b>	<b>2.812.216.757</b>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(33.954.457.753)				(33.840.530.448)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(28.503.442.734)				(29.040.911.664)	
			<b>(62.457.900.487)</b>				<b>(62.881.442.112)</b>	

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	29.634.990.562	50.622.985.471
Công cụ và dụng cụ	791.905.091	780.978.566
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.272.989.036	33.481.648.424
Hàng hóa bất động sản	10.957.630.717	10.684.925.328
Hàng hóa khác	450.587.888	309.852.996
	<hr/>	<hr/>
	74.108.103.294	95.880.390.785
	<hr/>	<hr/>

T  
Y  
H  
Ư  
L  
G  
/ 2 1 1

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Đồ đạc và trang bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	14.725.447.172	35.536.657.418	1.953.357.041	2.546.261.959.764	2.598.477.421.395
Tăng trong kỳ	-	-	209.000.000	2.505.480.000	2.714.480.000
Thanh lý	(43.116.851)	(34.379.637.800)	-	-	(34.422.754.651)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>14.682.330.321</b>	<b>1.157.019.618</b>	<b>2.162.357.041</b>	<b>2.548.767.439.764</b>	<b>2.566.769.146.744</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	4.419.932.079	14.391.532.675	1.727.078.122	1.707.744.149.445	1.728.282.692.321
Khấu hao trong kỳ	322.658.539	673.916.826	56.863.737	92.056.660.173	93.110.099.275
Thanh lý	(43.116.851)	(13.908.429.883)	-	-	(13.951.546.734)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.699.473.767</b>	<b>1.157.019.618</b>	<b>1.783.941.859</b>	<b>1.799.800.809.618</b>	<b>1.807.441.244.862</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	10.305.515.093	21.145.124.743	226.278.919	838.517.810.319	870.194.729.074
Số dư cuối kỳ	9.982.856.554	-	378.415.182	748.966.630.146	759.327.901.882

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 290.903 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 302.741 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 590.771 triệu VND (1/1/2021: 635.706 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24(b)).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	113.357.805.704
Thanh lý	(113.357.805.704)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	39.675.232.002
Khấu hao trong kỳ	1.359.878.438
Thanh lý	(41.035.110.440)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	73.682.573.702
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị xây lắp đã hoàn thành và trang thiết bị của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 43 Quang Trung, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng có thời gian khấu hao trong 30 năm. Theo Nghị quyết số 85/VP-NQ-HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2021, Công ty đã thực hiện đấu giá thành công cao ốc văn phòng này và công trình Tòa nhà 37 Phan Bội Châu (Thuyết minh 17) với mức giá là 264,5 tỷ VND. Công ty đã nhận đủ số tiền đấu giá và hoàn thành thủ tục bàn giao tài sản đấu giá cho bên trúng đấu giá là Công ty CP Tập đoàn T&D Group vào ngày 11/5/2021.





**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	136.051.185.552	158.154.057.254
Tăng trong kỳ	70.000.000	83.863.636
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(17.068.974.548)
Thanh lý	(134.671.105.552)	-
Số dư cuối kỳ	1.450.080.000	141.168.946.342

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công trình Tòa nhà 37 Phan Bội Châu (*)	-	134.601.105.552
Cửa hàng Xăng dầu Anh Dũng	1.450.080.000	1.450.080.000
	1.450.080.000	136.051.185.552

(\*) Công trình này được bắt đầu xây dựng từ năm 2008 trên mảnh đất có diện tích 1.148 m<sup>2</sup> được Công ty thuê từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng trong vòng 50 năm bắt đầu từ năm 1993. Hiện tại, dự án đã dừng thi công. Theo Nghị quyết số 85/VP-NQ-HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2021, Công ty đã thực hiện đấu giá thành công công trình này và cao ốc văn phòng số 43 Quang Trung, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng (Thuyết minh 16) với mức giá là 264,5 tỷ VND. Công ty đã nhận đủ số tiền đấu giá và hoàn thành thủ tục bàn giao tài sản đấu giá cho bên trúng đấu giá là Công ty CP Tập đoàn T&D Group vào ngày 11/5/2021.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2021		1/1/2021		Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
				Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ/Giá gốc VND	% quyền biểu quyết	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ/Giá gốc VND	% quyền biểu quyết			
<b>Công ty liên kết</b>										
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	45,1%	45,1%	28.491.968.075	- (*)	32.605.078.494	- (*)			
<b>Đơn vị khác</b>										
Công ty Cổ phần An Phú	TP HCM	0,55%	0,55%	57.224.000.000	(49.855.376.000) (*)	57.224.000.000	(50.148.363.899) (*)			
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu	Quảng Ninh			3.363.790.000	(3.363.790.000) (*)	3.363.790.000	(3.363.790.000) (*)			
				60.587.790.000	(53.219.166.000)	60.587.790.000	(53.512.153.899)			
				89.079.758.075	(53.219.166.000)	93.192.868.494	(53.512.153.899)			

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

**(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	20%	11.090.567.844	11.090.567.844

**(b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	20%	9.209.126.002	8.469.076.094

**20. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	-	27.896.983.217
<i>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	5.833.488.045	-
Công ty Xăng dầu Khu vực III - TNHH Một thành viên	2.205.447.238	-
Công ty Xăng dầu B12	1.068.760.000	7.621.347.400
Tổng Công ty Hoá dầu Petrolimex - CTCP	123.534.400	379.042.950
<b>Bên liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	87.784.800	-
<b>Bên khác</b>		
PT. Jaya Salvage Indonesia	7.032.676.035	7.053.987.175
Các nhà cung cấp khác	2.255.659.566	11.821.639.677
	<b>18.607.350.084</b>	<b>54.773.000.419</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 5 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021		Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	Chuyển sang khoản phải thu Nhà nước VND	30/6/2021	
	Phải thu VND	Phải trả VND				Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.289.912.944	57.431.300.953	(57.969.011.940)	-	-	752.201.957
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	201.203.633	(201.203.633)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.146.029,544	7.030.074,994	(9.325.436,955)	(226.000.000)	226.000.000	76.667.583
Thuế thu nhập cá nhân	-	642.189,024	680.443,870	(1.232.032,896)	(25.000.002)	25.000.002	115.600.000
Tiền thuê đất	-	-	246.150,500	(246.150,500)	-	-	-
Thuế khác	-	-	1.282.000,768	(1.282.000,768)	-	-	-
	-	4.078.131,512	66.871,174,718	(70.255,836,692)	(251.000,002)	251.000,002	944.469,540

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Lãi vay phải trả	300.433.788	384.200.263
Các khoản trích trước khác	588.083.825	770.126.815
	888.517.613	1.154.327.078

**23. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Thu hộ, chi hộ	19.253.303.426	7.028.332.065
Kinh phí công đoàn	2.889.059.397	2.130.128.763
Nhận đặt cọc, ký quỹ	-	390.165.046
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	41.199.189.160	121.254.670
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	199.179.276	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.733.643.333	7.492.457.164
	71.274.374.592	17.162.337.708

**24. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2021</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30/6/2021</b>
	<b>Giá trị ghi sổ và số</b> <b>có khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ và số</b> <b>có khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24(b))	48.774.000.000	27.264.000.000	(19.958.000.000)	56.080.000.000

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	VND	2026	146.120.000.000	152.650.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	2027	172.334.000.000	185.762.000.000
			<hr/>	<hr/>
			318.454.000.000	338.412.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(56.080.000.000)	(48.774.000.000)
			<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			262.374.000.000	289.638.000.000
			<hr/>	<hr/>

Khoản vay (i) nhằm mục đích đầu tư mua tàu Petrolimex 18. Lãi suất áp dụng là lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam + 2,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại là 242.465 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 266.709 triệu VND) (Thuyết minh 15).

Khoản vay (ii) nhằm mục đích đầu tư mua tàu Petrolimex 21. Lãi suất áp dụng trong năm đầu tiên (năm 2020) là lãi suất cố định 7,5%/năm. Từ năm thứ 2 trở đi (từ 2021 đến 2027), lãi suất áp dụng là lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng của bình quân 4 Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam + 2.2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại là 348.306 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 368.997 triệu VND) (Thuyết minh 15).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	20.007.438.785	21.296.378.405
Trích lập trong kỳ	15.935.000.000	12.415.000.000
Sử dụng trong kỳ	(7.177.414.200)	(3.367.545.460)
Số dư cuối kỳ	28.765.024.585	30.343.832.945

**26. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh khoản dự phòng sửa chữa tàu. Công ty thực hiện việc trích dự phòng chi phí sửa chữa lớn cho tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển theo chu kỳ lên đà sửa chữa 2,5 năm/lần.

Biến động của khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	32.902.857.143	39.480.000.000
Dự phòng lập trong kỳ	24.226.250.000	12.683.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.279.367.040)
Sử dụng trong kỳ	(10.600.000.000)	(12.633.632.960)
Số dư cuối kỳ	46.529.107.143	37.250.000.000

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	684.709.410.000	7.571.969.722	(23.773.475.216)	306.357.134.201	110.189.356.276	1.085.054.394.983
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	72.676.608.190	72.676.608.190
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(12.415.000.000)	(12.415.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	(32.735.470.500)	(32.735.470.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(500.950.752)	(500.950.752)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2020</b>	684.709.410.000	7.571.969.722	(23.773.475.216)	306.357.134.201	137.214.543.214	1.112.079.581.921
<b>Số dư tại ngày 1/1/2021</b>	684.709.410.000	7.571.969.722	(23.773.475.216)	306.357.134.201	128.590.769.163	1.103.455.807.870
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	19.021.405.381	19.021.405.381
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	3.363.270.384	23.773.475.216	-	-	27.136.745.600
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(15.935.000.000)	(15.935.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	(41.082.564.600)	(41.082.564.600)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(367.116.200)	(367.116.200)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2021</b>	684.709.410.000	10.935.240.106	-	306.357.134.201	90.227.493.744	1.092.229.278.051



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	68.470.941	684.709.410.000	68.470.941	684.709.410.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	68.470.941	684.709.410.000	68.470.941	684.709.410.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(3.000.000)	(30.000.000.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	68.470.941	684.709.410.000	65.470.941	654.709.410.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 29. Quỹ đầu tư, phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 30. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28/6/2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 41.083 triệu VND tương đương với 600 VND/cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 32.735 triệu VND tương đương với 500 VND/cổ phiếu).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	2.028.000.000	109.704.000
Trong vòng hai đến năm năm	3.549.000.000	438.816.000
Sau năm năm	-	1.983.814.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>5.577.000.000</b>	<b>2.532.334.000</b>
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	297.883	6.830.835.161	233.039	5.362.064.371
		<hr/>		<hr/>

**32. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	8.133.682.682	11.977.212.230
Cổ tức được chia	2.400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	263.434.396	459.003.254
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.016.636
	<hr/>	<hr/>
	<b>8.397.119.478</b>	<b>12.446.232.120</b>
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	12.668.885.419	8.297.565.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	188.929.133	23.263.983
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	92.070.163	367.107.644
	(292.987.899)	203.647.521
	<hr/>	<hr/>
	12.656.896.816	8.891.584.815
	<hr/>	<hr/>

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	17.023.952.840	15.886.469.690
Chi phí tiếp khách	1.242.685.790	1.435.645.927
Phân bổ chi phí trả trước	620.327.886	876.500.997
Chi phí khấu hao	1.219.231.073	857.213.042
Chi phí thuê đất	-	381.323.677
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(386.072.695)	5.337.660.768
Chi phí khác	4.484.685.896	4.500.175.339
	<hr/>	<hr/>
	24.204.810.790	29.274.989.440
	<hr/>	<hr/>

**35. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	34.453.990.088	56.052.854.722
Các khoản khác	174.003.125	120.559.473
	<hr/>	<hr/>
	34.627.993.213	56.173.414.195
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	77.192.725.190	41.782.829.703
Hàng hóa mua để bán	42.539.718.443	19.661.657.953
Chi phí nhân viên	61.777.826.878	52.765.425.820
Chi phí khấu hao và phân bổ	94.469.977.713	73.567.793.675
Chi phí sửa chữa tàu	24.226.250.000	21.630.395.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.390.030.472	16.039.092.707
Chi phí khác	3.522.681.969	9.674.508.837

**37. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	7.030.074.994	18.303.752.954
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	740.049.908	8.854.804
	<b>7.770.124.902</b>	<b>18.312.607.758</b>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.791.530.283	90.989.215.948
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.358.306.057	18.197.843.190
Phần lỗ trong công ty liên kết	822.622.084	32.561.979
Chi phí không được khấu trừ thuế	8.056.932	41.473.085
Thu nhập không bị tính thuế	(480)	-
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(546.867.944)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên lỗ tính thuế chưa được ghi nhận	2.128.008.253	40.729.504
	<b>7.770.124.902</b>	<b>18.312.607.758</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.384.937.643)	(476.987.528)	349.402.078	69.880.416
Lỗ tính thuế	10.640.041.265	2.128.008.253	-	-
	<b>8.255.103.622</b>	<b>1.651.020.725</b>	<b>349.402.078</b>	<b>69.880.416</b>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông:</b>		
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	19.021.405.381	72.676.608.190
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(7.967.500.000)	(6.207.500.000)
	<hr/>	<hr/>
	11.053.905.381	66.469.108.190
<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền</b>		
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang (số cổ phiếu)	65.470.941	65.470.941
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ tái phát hành trong kỳ (số cổ phiếu)	2.225.624	-
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ (số cổ phiếu)	67.696.565	65.470.941
	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	163	1.015

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 7.968 triệu VND, căn cứ trên kết quả kinh doanh của năm 2020.

**39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex</b>		
Cung cấp dịch vụ	247.583.600.930	203.444.864.321
Mua hàng hóa	18.349.916.762	2.449.073.589
Cổ tức	20.953.939.200	17.461.616.000
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</b>		
Cung cấp dịch vụ	5.823.980.415	5.202.483.104

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</b>	<b>30/6/2020 VND</b>
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
<b><i>Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</i></b>		
Mua hàng hóa	5.736.800.400	6.407.264.937
<b><i>Công ty Bảo hiểm PJICO Hải Phòng</i></b>		
Mua dịch vụ	13.504.227.619	13.286.140.820
<b><i>Công ty Xăng dầu Khu vực 3</i></b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	17.874.815.943	13.897.913.504
<b><i>Công ty Xăng dầu B12</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	786.467.366	865.290.667
Mua hàng hóa	79.098.157.261	67.839.809.480
<b><i>Cảng dầu B12</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	32.356.539	-
<b><i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</i></b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	11.897.741.933	-
<b><i>Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	190.909.096	-
Mua hàng hóa	2.940.476.463	-
<b><i>Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	194.226.000	-
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	1.697.393.431	1.550.216.550
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	683.557.978	777.969.760
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	406.933.633	236.787.200

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

25 -08- 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàng Yên  
Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Hào  
Kế toán trưởng

Vũ Đình Hiền  
Tổng Giám đốc

